TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2018/QĐST-HNGĐ	*Bạc Liêu, ngày 26 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2018/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Đ** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 11, Khu tập thể Công an tỉnh B, đường C, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng T** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 11, Khu tập thể Công an tỉnh B, đường C, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng T thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

2.2 Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Chấn H, sinh ngày 23/02/2012 và Nguyễn Phúc T, sinh ngày 19/02/2015 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay cháu H và cháu T đang sống cùng chị Đ và anh T.

Anh Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Chấn H và cháu Nguyễn Phúc T số tiền mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2018.

Anh Nguyễn Hoàng T được quyền thăm nom, chăm sóc cháu Nguyễn Chấn H và cháu Nguyễn Phúc T, không ai được phép ngăn cản.

2.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.5 Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ phải chịu 150.000 đồng.
- Án phí cấp dưỡng: Chị Lê Thị Đ phải chịu 150.000 đồng.

Chị Lê Thị Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008422 ngày 15/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã ký

Lê Hồng Lam